

2023



CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ LOGISTICS TRỌN GÓI
HÀNG ĐẦU MIỀN TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung

 184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 0236 3821240
 0236 3821310
 www.vinatransdn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG



MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
Định hướng phát triển	14
Các rủi ro	16

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	23
Tổ chức và nhân sự	25
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	37
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37
Tình hình tài chính	41
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	45

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	51
Tình hình tài chính	53
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	55
Kế hoạch phát triển trong tương lai	55
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	56
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	57

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	61
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	63
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	64

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	67
Ban kiểm soát	71
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	73

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ý kiến kiểm toán	79
Báo cáo tài chính	81

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG	• Trụ sở chính	184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
• Tên viết tắt	VINA TRANS DA NANG	• Điện thoại	(0236) 3821 240
• Mã cổ phiếu	VMT	• Fax	(0236) 3821 310
• Vốn điều lệ	31.500.000.000 đồng	• Website	www.vinatransdn.com.vn
• Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.500.000.000 đồng	• Giấy CN ĐKDN	Số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/05/2023





THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

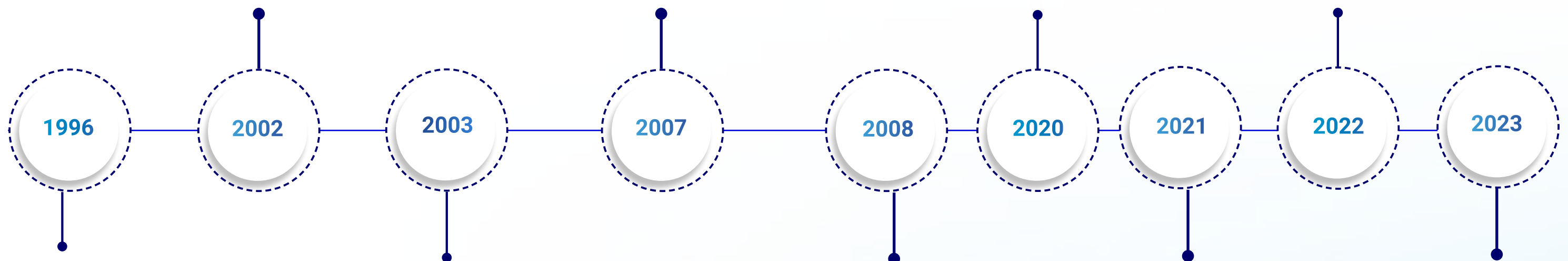
Bộ Thương mại đã có Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 chuyển Chi nhánh Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/08/2002 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng. Thời điểm mới thành lập, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải đường biển, hàng không, vận tải đa phương thức, thuê tàu, chuyển phát nhanh, dịch vụ kho bãi logistics, khai thuế Hải quan,...



Ngày 22/06/2007, Công ty thành lập văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng khoán số 82/2020/GCNCP-VSD do VSD (nay là VSDC) cấp với mức vốn điều lệ tại thời điểm cấp là 15.750.000.000 đồng.

- **Ngày 11/01/2022**, Công ty đã được VSD (nay là VSDC) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh số 82/2020/GCNCP-VSD-I với mức vốn điều lệ tại thời điểm cấp là 31.500.000.000 đồng.
- **Ngày 06/10/2022**, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 6697/UBCK-GSDC của UBCKNN ký ngày 06/10/2022 về việc đăng ký công ty đại chúng.
- Theo đó, tại thời điểm chính thức là công ty đại chúng, vốn điều lệ của Công ty là 31.500.000.000 đồng với tổng số lượng cổ đông nắm giữ cổ phần là 123 cổ đông.
- **Ngày 28/12/2022**, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cho 3.150.000 cổ phiếu VMT.



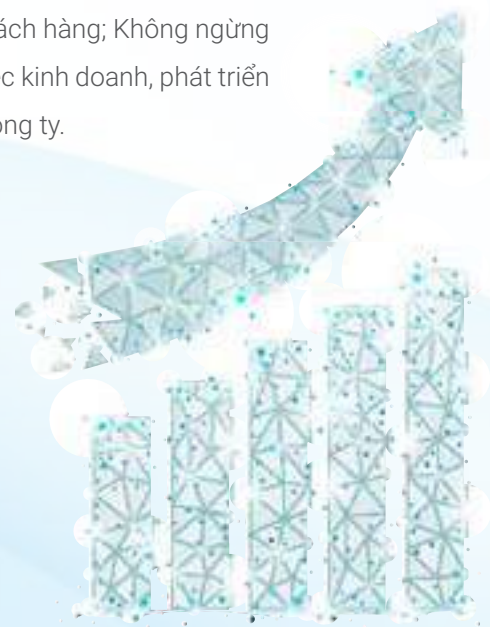
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tiền thân là Chi nhánh Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Ngày 26/03/2003, Công ty thành lập văn phòng đại diện tại Huế nhằm gia tăng phương thức tiếp cận, kết nối với các đối tác và khách hàng; Không ngừng thúc đẩy công việc kinh doanh, phát triển mạng lưới của Công ty.

Ngày 04/04/2008, Công ty thành lập Chi nhánh tại Quy Nhơn.

Ngày 15/12/2021, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng khánh thành tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, Cẩm Lệ. Theo đó, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng có tổng diện tích hơn 10.076 m² sức chứa 13.000 pallets (tương đương với 8.500 tấn hàng) với đầy đủ kho mát, kho lạnh, 12 cửa nhập và xuất hàng. Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng là một trong những Trung tâm Logistics hàng đầu tại khu vực các tỉnh Miền Trung Việt Nam.

Ngày 06/01/2023, cổ phiếu VMT chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.





THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Chuyển phát nhanh.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mở rộng quy mô với các chi nhánh và các văn phòng đại diện ở các tỉnh và các thành phố lớn, có hệ thống đại lý giao nhận trên khắp các châu lục trên thế giới:

- Công ty đặt trụ sở chính tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Công ty có Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng tại đường số 2 KCN Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng và đã đầu tư sở hữu 01 kho chứa hàng (Kho Hòa Cường) với tổng diện tích hơn 1.509 m² tại Đà Nẵng.



- 01 Chi nhánh tại 109 - 111 Lê Đức Thọ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Và 02 văn phòng tại Lô B8-2 KQH Xuân Phú, TP. Huế và số 52/10 Giải Phóng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Ngoài ra, công ty còn có hệ thống đại lý giao nhận trên khắp các châu lục Á, Âu, Mỹ, Úc

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá 05 năm, gồm 05 thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị họp và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

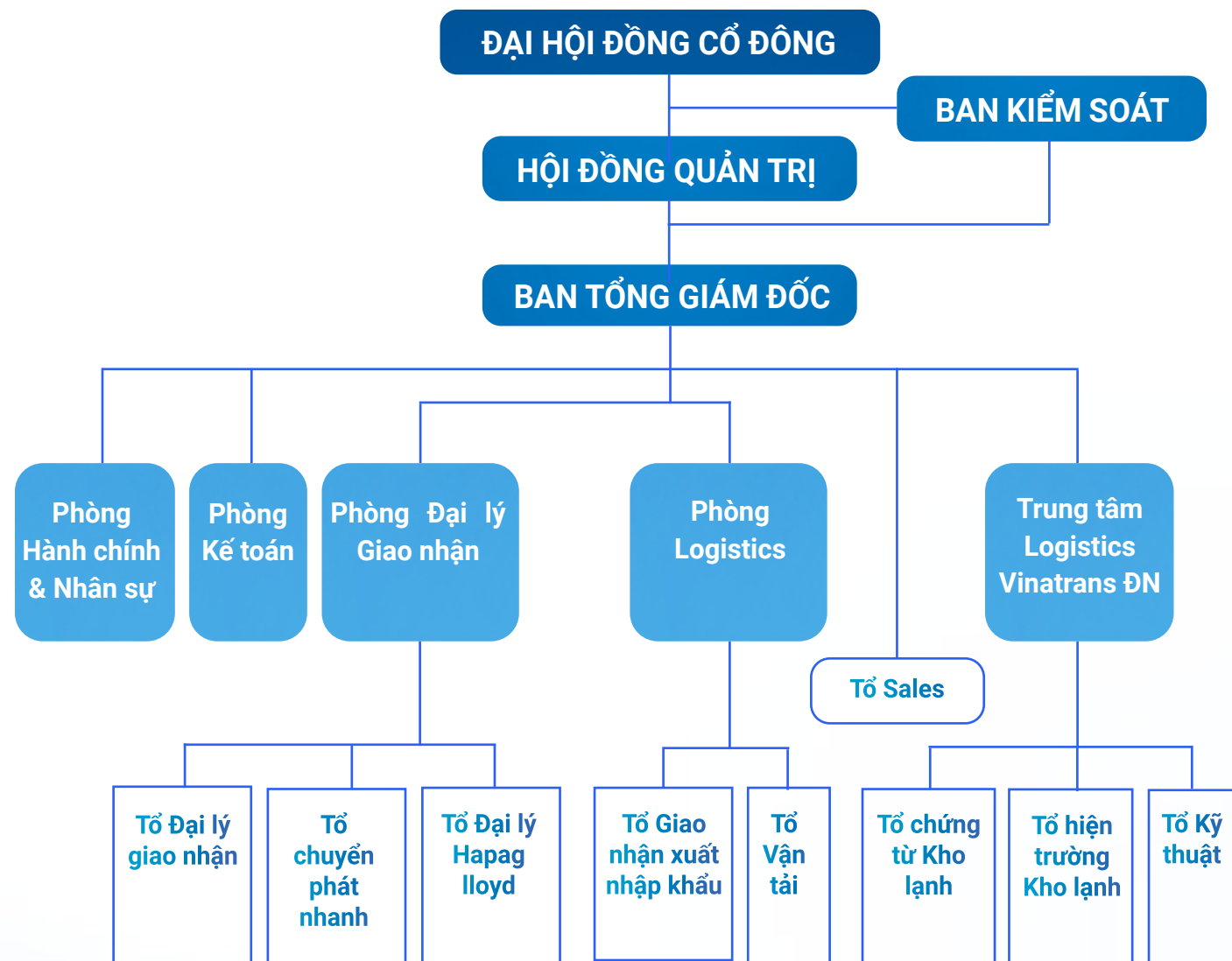
Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị.



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tăng cường quản lý và lãnh đạo toàn diện, đồng thời củng cố và xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn, có trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.
- Không ngừng nâng cao uy tín, chất lượng và hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo tốc độ tăng trưởng trong kinh doanh.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác hiện tại, đồng thời tăng cường công tác Sales và Marketing, mở rộng phát triển thị trường và xây dựng mối quan hệ tốt với các Forwarders tại TP.HCM, Hà Nội và Hải Phòng để tận dụng cơ hội phát triển công việc.
- Tích cực tập trung vào việc khai thác hàng hóa cho Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng tại KCN Hòa Cầm, đẩy mạnh khai thác nguồn thủy hải sản ở miền Trung và hàng F&B nhập khẩu.
- Hợp tác chặt chẽ với Chi nhánh Transimex Đà Nẵng, nhấn mạnh việc cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập kho và phân phối bằng xe tải lạnh để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Đồng thời, xây dựng Trung tâm Logistics thành Trung tâm phân phối hàng thực phẩm đông lạnh hàng đầu về qui mô, chất lượng và dịch vụ chuyên nghiệp ở Miền Trung.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung không có công ty con và công ty liên kết.



THÔNG TIN CHUNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Tập trung vào việc lấy chất lượng dịch vụ làm tiêu chí cạnh tranh hàng đầu, cam kết cải thiện không ngừng dịch vụ khai thác và chăm sóc khách hàng để tạo ra nguồn thu ổn định, bền vững cho công ty và giảm phụ thuộc vào các đối tác truyền thống.



Nghiên cứu kỹ lưỡng về điểm mạnh, yếu và thị phần của đối thủ cạnh tranh giúp xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp. Xúc tiến việc thiết lập, mở rộng và củng cố mối quan hệ với khách hàng, tận dụng các điều kiện thuận lợi để phát triển và tìm kiếm các khách hàng có sản lượng lớn và giá tốt.



Cuối cùng, liên tục hoàn thiện quy định, quy trình quản lý và áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý để đảm bảo sự hiệu quả và bền vững trong kinh doanh.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty luôn thể hiện sự cam kết của mình với mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào sự phát triển của xã hội. Đội ngũ cán bộ nhân viên luôn nêu cao tinh thần bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các chương trình, hoạt

động vì cộng đồng. Ban lãnh đạo Công ty chú trọng xây dựng các hoạt động tập thể và công tác đoàn hội, nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, củng cố niềm tin khách hàng và thu hút nhân tài. Phát triển kinh doanh bền vững là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023 kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, lạm phát leo thang, lãi suất tăng liên tục để giảm tốc độ tăng của giá cả, căng thẳng địa chính trị, giảm tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu ảm đạm,... Sự trì trệ của hoạt động sản xuất kinh doanh khiến giai đoạn phục hồi đầu năm chuyển sang đà giảm về cuối năm. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đều được các tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm so với dự báo trước đây và thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác phải đối mặt với nhiều khó khăn và biến động, song nền kinh tế trong nước đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước với xu thế tăng trưởng duy trì đà tăng dần qua từng quý.

Theo báo cáo Chỉ số Logistics tại các thị trường mới nổi năm 2023 do Agility, ngành logistics tại Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm từ 14-16%, dẫn đến sự cải thiện cả về số lượng và chất lượng dịch vụ logistics. Dịch vụ giao nhận vận tải của Công ty phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu nên phụ thuộc rất lớn vào sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Sau một thời gian tê liệt vì dịch Covid-19, hoạt động vận

tải trong nước đối mặt với nhiều thách thức. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trong năm chưa phục hồi mạnh nhưng mức suy giảm đã được thu hẹp đáng kể. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2023.

Do đó, Ban lãnh đạo Vinatrans Đà Nẵng luôn tích cực theo dõi biến động của nền kinh tế thị trường để có thể kịp thời và linh hoạt trong việc lập kế hoạch và phát triển các giải pháp đa dạng như nâng cao chất lượng dịch vụ và cải thiện cơ sở hạ tầng và hợp tác đa phương để hạn chế những tác động của những yếu tố vĩ mô đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.





THÔNG TIN CHUNG

CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty cổ phần có cổ phiếu đăng ký giao dịch (UpCOM) và hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải, VMT phải chịu ảnh hưởng bởi nhiều quy định pháp luật như có Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật Thuế, các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, với tư cách là nhà cung cấp chuyên biệt các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, lưu giữ và các giải pháp logistics, Công ty còn có nghĩa vụ tuân thủ các quy định liên quan đến Luật Hải quan, Luật Vận tải, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ môi trường cũng như các chính sách liên quan đến nhập khẩu, quản lý xuất khẩu và hạn ngạch. Bất cứ những thay đổi nào trong hệ thống pháp luật cũng sẽ có nhiều tác động đến tình hình quản trị cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật Việt Nam tới các hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo cùng bộ phận pháp chế của Vinatrans Đà

Nẵng không ngừng theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật mới nhất. Theo đó, điều chỉnh và phổ biến đến toàn bộ nhân viên của Công ty nhằm đảm bảo mọi người đều biết đến và tuân thủ nghiêm ngặt các điều khoản pháp luật tại thời điểm có ban hành chỉnh sửa.



RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Trong những năm gần đây, ngành logistics tại Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro liên quan đến nguồn nhân lực. Những thách thức này có thể ảnh hưởng đến hiệu suất và bền vững của các doanh nghiệp trong ngành. Ngành logistics đòi hỏi một lực lượng lao động chuyên nghiệp với kiến thức sâu rộng về quy trình vận chuyển, quản lý chuỗi cung ứng và công nghệ mới. Tuy nhiên, thị trường lao động xuất hiện tình trạng thiếu hụt nhân sự chất lượng và chuyên nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực đòi hỏi kỹ năng đặc biệt như quản lý thủ tục hải quan, kỹ thuật lái xe chuyên nghiệp và quản lý kho.

Ngoài ra một số doanh nghiệp tại Việt Nam còn đối mặt với khó khăn khi đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự có chất lượng. Quá trình này không chỉ tốn kém, mất thời gian mà một số nhân viên sau khi được đào tạo có thể chuyển đến các công ty cạnh tranh. Để giảm thiểu những rủi ro này, Ban Lãnh đạo đã triển khai chiến lược quản lý nhân sự linh hoạt, đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự, cùng với việc tận dụng các công nghệ mới để tối ưu hóa quy trình làm việc và giảm thiểu áp lực lao động.

RỦI RO CẠNH TRANH

Cạnh tranh trong lĩnh vực logistics hiện nay diễn ra khá gay gắt với sự mở rộng của thị trường và tăng cao nhu cầu vận tải, kho bãi. Mỗi doanh nghiệp đều có những chiến lược riêng nhằm thu hút và giữ chân khách hàng. So với các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Vinatrans Đà Nẵng, hiện đang nắm giữ nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động logistics đồng thời có lợi thế am hiểu khách hàng nội địa, nhưng hoạt động còn đơn lẻ, năng lực tài chính, quản trị còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước.

Ý thức được mức độ cạnh tranh ngành càng cao, Vinatrans Danang không chỉ tập trung khai thác hàng hóa Trung tâm Logistics mà còn mở rộng phát triển các dịch vụ kèm theo để xây dựng quy trình có

sự liên kết và tối ưu được chi phí và thời gian. Ngoài ra, VMT còn tích hợp hệ thống quản lý thông tin vào các hoạt động quản lý để kiểm soát nhanh chóng và nâng cao hoạt động kinh doanh của công ty. Với sự phát triển vượt bậc của thương mại điện tử đi đôi với đó là nhu cầu của khách hàng ngày càng cao đòi hỏi các doanh nghiệp phải xây dựng quy trình một cách tối ưu và rút ngắn được thời gian giao nhận, hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.





THÔNG TIN CHUNG

CÁC RỦI RO

RỦI RO LÃI SUẤT

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ những biến động trong thị trường tài chính trong và ngoài nước như sự biến động lãi suất và tỷ giá. Kể từ đầu năm 2023, FED đã nhiều lần điều chỉnh lãi suất và nâng mức lãi suất chính sách lên 5,25 - 5,5%/năm, cao nhất trong vòng 22 năm trở lại đây nhằm kiềm chế tốc độ tăng lạm phát. Việt Nam là nền kinh tế nhỏ với độ mở lớn, biến động về giá cả, lạm phát, lãi suất, tỷ giá từ thị trường quốc tế để ảnh hưởng đến thị trường trong nước. Trong năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã liên tục giảm lãi suất 4 lần với mức giảm 0,5%-2% trong bối cảnh lãi suất thế

giới vẫn tăng nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Là công ty có sử dụng đòn bẩy tài chính, việc lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh cũng như hiệu quả hoạt động của Vinatrans Đà Nẵng.

Do đó, Công ty đã đưa ra những biện pháp tăng cường quản lý để giảm thiểu rủi ro lãi, cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hoạt động để cắt giảm chi phí. Công ty không ngừng theo dõi để cập nhật tình hình lãi suất, kịp thời điều chỉnh chiến lược và lựa chọn nguồn vốn kinh doanh hợp lý.



RỦI RO KHÁC

Các sự kiện thiên tai như lũ lụt, động đất, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Đặc biệt đối với một doanh nghiệp vận tải như VMT thì những rủi ro này có thể dẫn đến sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng, vận chuyển hàng hóa và vận hành quy trình. Điển hình như các đợt bùng phát dịch bệnh như Covid-19 đã làm cho chuỗi cung ứng gặp phải sự gián đoạn đáng kể làm giảm nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Ngoài ra, rủi ro về mất mát dữ liệu hoặc tấn công mạng có thể ảnh

hưởng đến quản lý thông tin, theo dõi và giám sát của doanh nghiệp vận tải giao nhận như VMT.

Để giảm thiểu rủi ro, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng cần phát triển kế hoạch phòng tránh và ứng phó, đồng thời đầu tư vào các giải pháp bảo mật, quản lý rủi ro và đào tạo nhân viên về an toàn và khẩn cấp. Hơn nữa, việc duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác và tổ chức có thể giúp cải thiện khả năng ứng phó của doanh nghiệp khi phải đối mặt với các tình huống khẩn cấp.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Tình hình tài chính
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

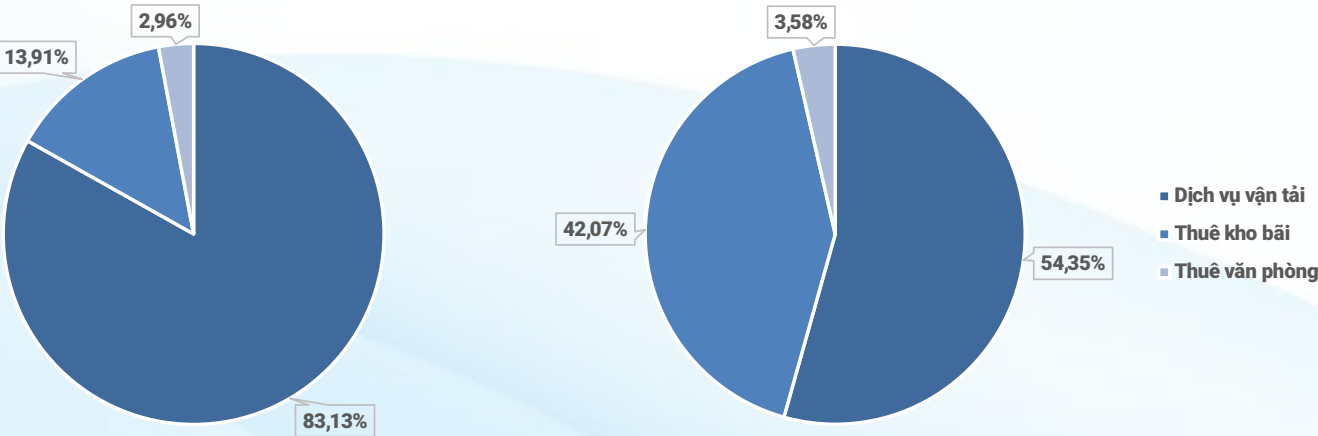
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

Dịch vụ kinh doanh	Năm 2022		Năm 2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu dịch vụ vận tải	59.154	83,13%	32.146	54,35%	54,34%
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi	9.896	13,91%	24.883	42,07%	251,44%
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	2.107	2,96%	2.116	3,58%	100,41%
Tổng cộng	71.158	100%	59.145	100%	83,12%

Nhìn chung, doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm 2023 ghi nhận mức 59,15 tỷ đồng, giảm 16,88% so với năm trước. Năm 2023, doanh thu của Công ty có sự chuyển dịch cơ cấu, tăng tỷ trọng mảng dịch vụ cho thuê kho bãi và giảm tỷ trọng mảng dịch vụ vận tải. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu dịch vụ vận tải vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 54,35%, trong khi doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi ghi nhận tăng trưởng mạnh, chiếm tỷ trọng 42,07%. Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng khá nhỏ (3,58%) trong cơ cấu tổng doanh thu. Trong năm 2023, đối mặt với nhiều khó khăn nhưng

nhờ uy tín thương hiệu cũng như sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo, Công ty ghi nhận doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi tăng 14,99 tỷ đồng từ 9,9 tỷ đồng lên 24,88 tỷ đồng tương đương 151,44%. Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng tăng nhẹ 0,41% so với năm trước do sự điều chỉnh tăng nhẹ của giá cho thuê hằng năm. Doanh thu dịch vụ vận tải giảm 27,01 tỷ đồng, từ 59,15 tỷ đồng còn 32,15 tỷ đồng, tương đương giảm 45,66% so với năm 2022. Nguyên nhân của việc giảm doanh thu mảng này là do sự cạnh tranh gay gắt giữa các đối thủ trên địa bàn hoạt động và chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế vĩ mô bất ổn.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	KH 2023	% TH 2023/2022	% TH/KH 2023
Doanh thu thuần	71.158	59.145	96.000	83,12%	61,61%
Lợi nhuận trước thuế	1.503	760	6.000	50,59%	12,67%
Lợi nhuận sau thuế	1.215	65	4.800	5,37%	1,36%
Cổ tức	-	-	-	-	-

Kết thúc năm 2023, ngành vận tải gặp nhiều khó khăn từ biến động vĩ mô toàn cầu cũng như sự tăng giá mạnh của các nhiên liệu sử dụng trong năm – chi phí đầu vào của Công ty. Doanh thu thuần Vinatrans Đà Nẵng ghi nhận mức 59,15 tỷ đồng, giảm 16,88% so với năm trước và đạt 61,61% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 760 triệu đồng và 65 triệu đồng giảm đáng kể so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế giảm 49,41% so với cùng kỳ và đạt 12,67%

so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 5,37% so với năm trước và chỉ đạt 1,36% kế hoạch. Nguyên nhân do trong năm Công ty không còn khoản thu tiền từ bán chứng khoán và cổ tức được chia nên Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh 6,47 tỷ đồng tương đương 93,55% so với năm trước mặc dù Công ty đã tối ưu hóa các chi phí và tăng giá dịch vụ vận tải. Về tỷ lệ cổ tức, hiện công ty chưa có kế hoạch do cần giữ lại lợi nhuận để phục vụ hoạt động kinh doanh.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

STT	Thành viên	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Hùng	TV HĐQT
3	Vũ Quốc Bảo	TV HĐQT
4	Nguyễn Ngọc Thắng	TV HĐQT
5	Lê Hoàng Như Uyên	TV HĐQT
BAN KIỂM SOÁT		
1	Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS
2	Nguyễn Hải Nhật	TV BKS
3	Nguyễn Trịnh Phương Thảo	TV BKS
BAN ĐIỀU HÀNH		
1	Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc
2	Bà Lê Anh Thư	Kế toán trưởng



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO TRONG NĂM 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Tấn Mẫn	TV HĐQT	25/06/2020	09/05/2023
		Tổng Giám đốc	02/05/2019	20/05/2023
2	Lê Văn Hùng	TV HĐQT	09/05/2023	-
3	Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	30/06/2023	-
4	Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2016	15/09/2023
5	Đặng Thị Lành	Kế toán trưởng	01/01/2015	26/07/2023
6	Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng	26/07/2023	25/09/2023
7	Lê Anh Thư	Kế toán trưởng	26/09/2023	-





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG NGUYỄN BÍCH LÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Chủ tịch HĐQT Công ty VINAFREIGHT
- TV HĐQT CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- TV HĐQT CTCP Cảng MIPEC

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,63% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Vinafreight	Chủ tịch HĐQT	0302511219	14/01/2002	Sở KH&ĐT TP.HCM	878.400	27,89%

BÀ LÊ HOÀNG NHƯ UYÊN

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Khoa học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh văn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Tổng Giám đốc CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 304.800 cổ phiếu, chiếm 9,68% vốn điều lệ (đại diện cho CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam)
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Tổng Giám đốc	0300648264	16/03/2010	Sở KH&ĐT TP.Hồ Chí Minh	304.800	9,68%

ÔNG VŨ QUỐC BẢO

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh dịch vụ đại lý vận chuyển FC Việt Nam
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết LCM
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 878.400 cổ phiếu, chiếm 27,89% vốn điều lệ (đại diện cho CTCP Logistics Vinalink)
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Logistics Vinalink	Phó Tổng Giám đốc	0301776205	31/07/1999	Sở KH&ĐT TP.HCM	878.400	27,89%

ÔNG NGUYỄN NGỌC THẮNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tin học

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Giám đốc Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan: Không có



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG LÊ VĂN HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn** : Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** :
- Giám đốc Tài chính CTCP Transimex
 - Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
 - Thành viên HĐQT CTCP Thủy đặc sản
 - Thành viên Ban Kiểm soát CTCP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Bến Thành
 - Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Phú Nhuận
 - Thành viên HĐQT CTCP Garmex Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Nippon Express Việt Nam
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Hi tech Park Logistics
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An
 - Giám đốc CTCP Logistics Vĩnh Lộc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Transimex	Giám đốc Tài chính	0301874259	03/12/1999	Sở KH&ĐT TP.HCM	708.460	22,49%
CTCP Vinafreight	Thành viên HĐQT	0302511219	14/01/2002	Sở KH&ĐT TP.HCM	878.400	27,89%

BÀ NGUYỄN HỒNG KIM CHI

Trưởng Ban kiểm soát

- Trình độ chuyên môn** : Cử nhân tài chính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** :
- Kế toán trưởng CTCP Vinafreight
 - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Logistics Vĩnh Lộc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 100 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Transimex	Kế toán trưởng	0301874259	03/12/1999	Sở KH&ĐT TP.HCM	708.460	22,49%

BÀ NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

Thành viên Ban kiểm soát

- Trình độ chuyên môn** : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** :
- Phó phòng kế toán CTCP Vinafreight

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Vinafreight	Phó phòng kế toán	0302511219	14/01/2002	Sở KH&ĐT TP.HCM	878.400	27,89%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG NGUYỄN HẢI NHẬT

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Kế toán trưởng CTCP Cảng Transimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN THANH TUẤN

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Ngoại thương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Đà Nẵng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan: Không có

BÀ LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của những người có liên quan: Không có





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

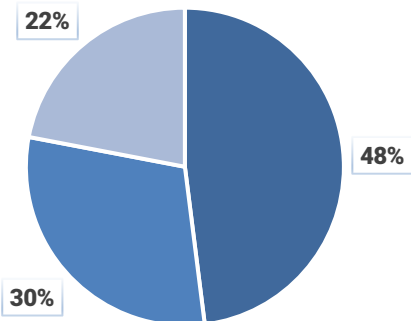
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại thời điểm 31/12/2023

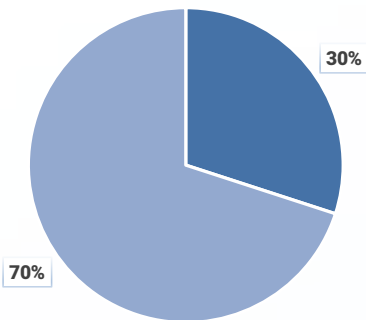
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	50	100%
1	Trên đại học, đại học	24	48%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	15	30%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	11	22%
B	Theo đối tượng lao động	50	100%
1	Lao động trực tiếp	35	70%
2	Lao động gián tiếp	15	30%
C	Giới tính	50	100%
1	Nam	29	58%
2	Nữ	21	42%

Theo trình độ



- Trên đại học, đại học
- Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp
- Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông

Tính chất hợp đồng lao động



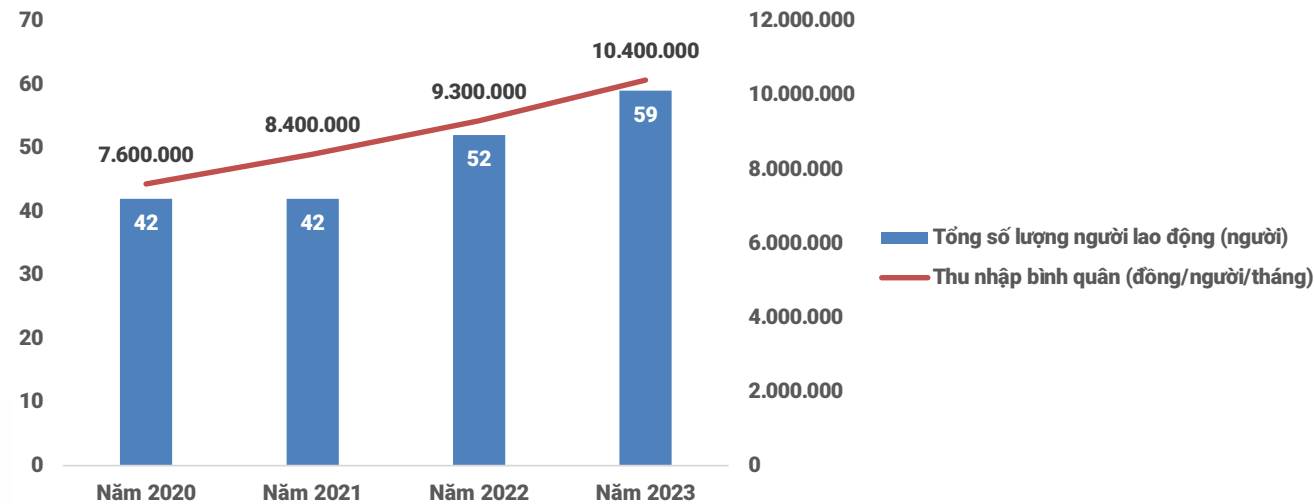
- Lao động gián tiếp
- Lao động trực tiếp

Theo giới tính



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	42	42	52	59
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.600.000	8.400.000	9.300.000	10.400.000





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Môi trường công việc

Môi trường làm việc của Công được xây dựng nhằm tạo ra một không gian làm việc tích cực, an toàn và động viên nhân viên phát triển bản thân. Góp phần tạo điều kiện cho một môi trường làm việc tích cực, nơi mà sự đa dạng, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau được khuyến khích. Công ty thúc đẩy tinh thần đồng đội, sự hợp tác và giao tiếp mở cửa giữa các bộ phận và nhân viên. VMT cam kết đảm bảo an toàn và sức khỏe cho tất cả nhân viên trong môi trường làm việc. Công ty thực hiện các biện pháp an toàn lao động, cung cấp trang thiết bị bảo hộ và đào tạo nhân viên về các quy tắc an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động. Chính sách về môi trường làm việc của VMT nhấn mạnh vào việc tạo

ra một môi trường làm việc an toàn, tích cực và hỗ trợ cho sự phát triển của nhân viên, đồng thời chú trọng vào việc bảo vệ môi trường và cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.



Về tuyển dụng và đào tạo

Chính sách về tuyển dụng và đào tạo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung được thiết lập nhằm đảm bảo rằng công ty có đủ nhân sự chất lượng và có khả năng phát triển trong tương lai. VMT cam kết thực hiện quy trình tuyển dụng công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, tôn giáo, hoặc nguyên quán. Công ty luôn tạo điều kiện công bằng cho tất cả ứng viên và tăng cơ hội cho các ứng viên có tiềm năng phát triển. Ngoài ra, VMT còn đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo và phát triển năng lực cho nhân viên của mình. Công ty cung cấp các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng nghề nghiệp

và cũng tạo điều kiện cho nhân viên tự phát triển bằng cách cung cấp các nguồn lực và hỗ trợ cần thiết. Công ty coi trọng việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ, nơi mà nhân viên được đánh giá cao và cảm thấy được động viên. Công ty cung cấp các chính sách phúc lợi nhân viên hấp dẫn và tạo điều kiện cho sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân của nhân viên. Chính sách về tuyển dụng và đào tạo của VMT mang lại cơ hội công bằng và phát triển cho tất cả nhân viên, đồng thời giúp công ty duy trì và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường.



Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty cam kết đảm bảo công bằng trong việc xác định mức lương và thưởng cho nhân viên bằng cách thực hiện các tiêu chí rõ ràng và minh bạch để đánh giá hiệu suất làm việc và đóng góp của từng nhân viên. VMT áp dụng hệ thống thưởng theo hiệu suất làm việc của nhân viên. Các tiêu chí đánh giá hiệu suất có thể bao gồm thành tích công việc, đóng góp cho công ty, sự sáng tạo và cống hiến cho dự án hoặc bộ phận làm việc. Bên cạnh đó Công ty còn thường xuyên công nhận và khen ngợi những nhân viên có thành tích xuất sắc và đóng góp đáng kể vào sự phát triển của công ty. Các loại thưởng có thể bao gồm tiền thưởng, bằng khen, chứng nhận hoặc các phần quà khác. Ngoài lương và thưởng, VMT cũng cung cấp các chế độ phúc lợi hấp dẫn như bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe toàn diện và các chương trình phúc lợi khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân

viên. Chính sách về lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ của VMT được thiết lập nhằm đảm bảo công bằng, khuyến khích sự đóng góp và hiệu suất làm việc của nhân viên, đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh và quyền lợi cho toàn bộ nhân viên trong công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công ty đang triển khai và từng bước hoàn thành giai đoạn 1 Dự án Tòa nhà Văn phòng tại Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 52, Số 49 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Tổng mức đầu tư : Ước tính khoảng 263 tỷ đồng

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung không có công ty con, công ty liên kết.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
3.150.000 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
3.150.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu



Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng/cổ phiếu

Loại cổ phần
Cổ phần phổ thông



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 10/04/2023

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	128	3.150.000	31.500.000.000	100%
Nhà nước	-	-	-	-
Tổ chức	6	2.774.060	27.740.600.000	88,07%
Cá nhân	122	375.940	3.759.400.000	11,93%
Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
Cá nhân	-	-	-	-
Tổ chức	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	128	3.150.000	31.500.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (*)

(*): Công văn số 8267/UBCK-PTTT ngày 12/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 10/04/2023

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	9,68%
2	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	27,89%
3	Công ty Cổ phần Transimex	708.460	22,49%
4	Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	27,89%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Thời điểm	SLCP phát hành (cổ phiếu)	VĐL sau phát hành (nghìn đồng)	Phương thức phát hành	Pháp lý
08/2002			Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/08/2002: 3.000.000.000 đồng.	Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 của Bộ Thương mại Giấy chứng nhận ĐKDN lần đầu ngày 12/08/2002
04/2006	300.000	6.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày ngày 25/02/2006 Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 4 ngày 19/04/2006
05/2007	900.000	15.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 02/03/2007 Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 5 ngày 09/05/2007
08/2016	750.000	15.750.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 01/04/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 9 ngày 30/08/2016
09/2021	1.575.000	31.500.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 27/07/2021 Nghị quyết HĐQT về kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 08/09/2021 Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 14 ngày 22/09/2021



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	179.153	170.702	95,28%
Doanh thu thuần	71.158	59.145	83,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.473	790	53,66%
Lợi nhuận khác	29,65	-30,15	-
Lợi nhuận trước thuế	1.503	760	50,59%
Lợi nhuận sau thuế	1.215	65	5,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Mặc dù phục hồi kinh tế của Việt Nam ghi nhận được con số đáng kể, nền kinh tế toàn cầu lại đang phải đối mặt với dấu hiệu suy thoái, lực cầu giảm, tốc độ tăng sản lượng hàng hóa có dấu hiệu chậm lại. Về tình hình vận tải, trong năm, các doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, xuất nhập khẩu tiếp tục khởi sắc nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực.



Doanh thu thuần Công ty đạt 59,15 tỷ đồng chỉ bằng 83,12% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 790 triệu đồng, giảm 46,34% so với năm 2022. Lợi nhuận trước và Lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức giảm đáng kể lần lượt là 49,41% và 94,63%.

Mặc dù Công ty luôn chú trọng công tác tăng cường áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí, quản lý và giám sát theo kế hoạch ngân sách đề ra mà trọng tâm là tiết giảm đáng kể chi phí đầu vào như chi phí vận chuyển, chi phí chuyển phát nhanh, chi phí thuê kho bãi,... nhưng do chỉ mới đưa vào hoạt động của Trung tâm Logistics Vinatrans Danang tại KCN Hòa Cầm nên khách hàng thuê vẫn chưa đủ để bù đắp có các chi phí liên quan. Hiện tại, Công ty đang thực hiện đẩy mạnh Marketing và bán hàng nhằm lấp đầy công suất cho thuê kho bãi tại Trung tâm Logistics Vinatrans Danang.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,9	0,59
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,9	0,59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,35%	65,96%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	206,27%	193,75%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,46	0,34
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,71%	0,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,09%	0,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,78%	0,04%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,07%	1,34%





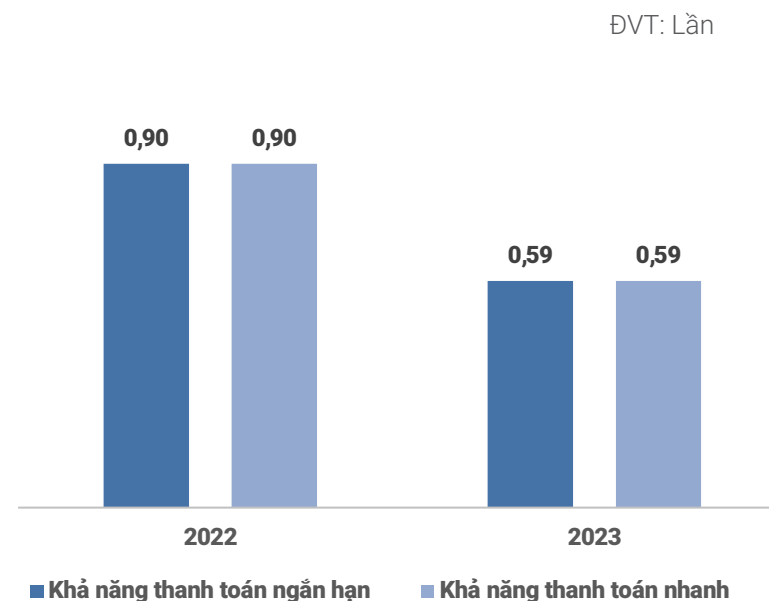
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

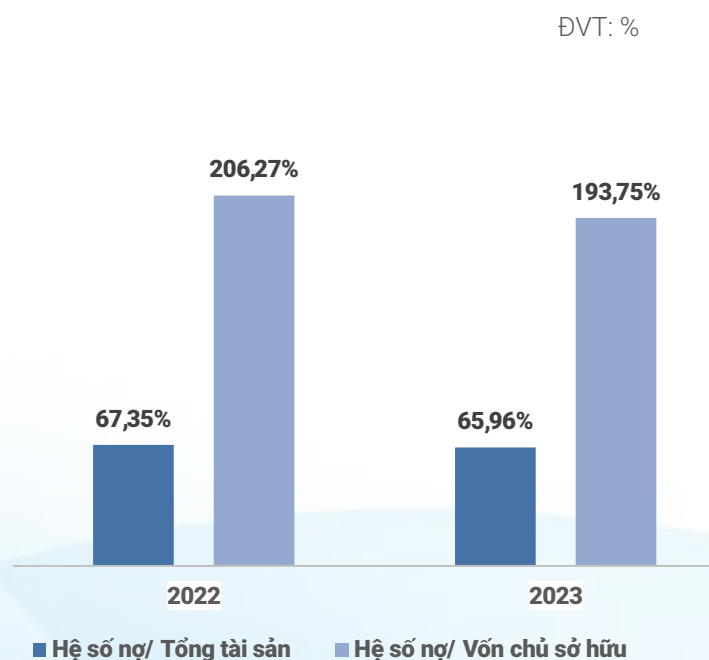
Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, hoạt động kinh doanh của Công ty không phát sinh dự trữ hàng tồn kho, do đó hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn có giá trị bằng nhau. Năm 2023 ghi nhận Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã giảm từ 0,9 lần năm 2022 xuống còn 0,59 lần năm nay. Nguyên nhân đến từ việc các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng ghi nhận giảm 3,47 tỷ đồng tương đương 38,23% so với cùng kỳ dẫn đến tài sản ngắn hạn giảm 11,97%, còn 31,72 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn lại ghi nhận tăng 33,67% so với năm trước, đạt 53,73 tỷ đồng vào cuối năm 2023 do Công ty phân loại lại khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả 14,63 tỷ đồng.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty thay đổi đáng kể. Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu cũng giảm mạnh từ mức 206,27% đầu kỳ xuống còn 193,75% cuối kỳ. Trong năm, Vốn chủ sở hữu của Công ty gần như không thay đổi đáng kể, ghi nhận tại ngày 31/12/2023 là 58,11 tỷ đồng. Nguyên nhân tác động chính tới thay đổi cơ cấu Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu của Công ty đến từ việc Công ty đã điều chỉnh giảm các khoản nợ phải trả, các khoản vay dài hạn với Ngân hàng Shinhan giảm từ 80,47 tỷ đồng xuống còn 58,87 tỷ đồng, tương ứng với 26,84%. Điều này cho thấy Công ty đang có xu hướng càng tăng cường kiểm soát nợ và duy trì mức tín dụng hợp lý.

Thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản của Công ty ghi nhận 170,7 tỷ đồng, giảm 4,72% do tài sản cố định khấu hao và các khoản phải thu khách hàng giảm. Tốc độ giảm của Nợ phải trả nhanh hơn tốc độ giảm của Tổng tài sản nên Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản giảm từ 67,35% năm trước còn 65,96% năm nay.



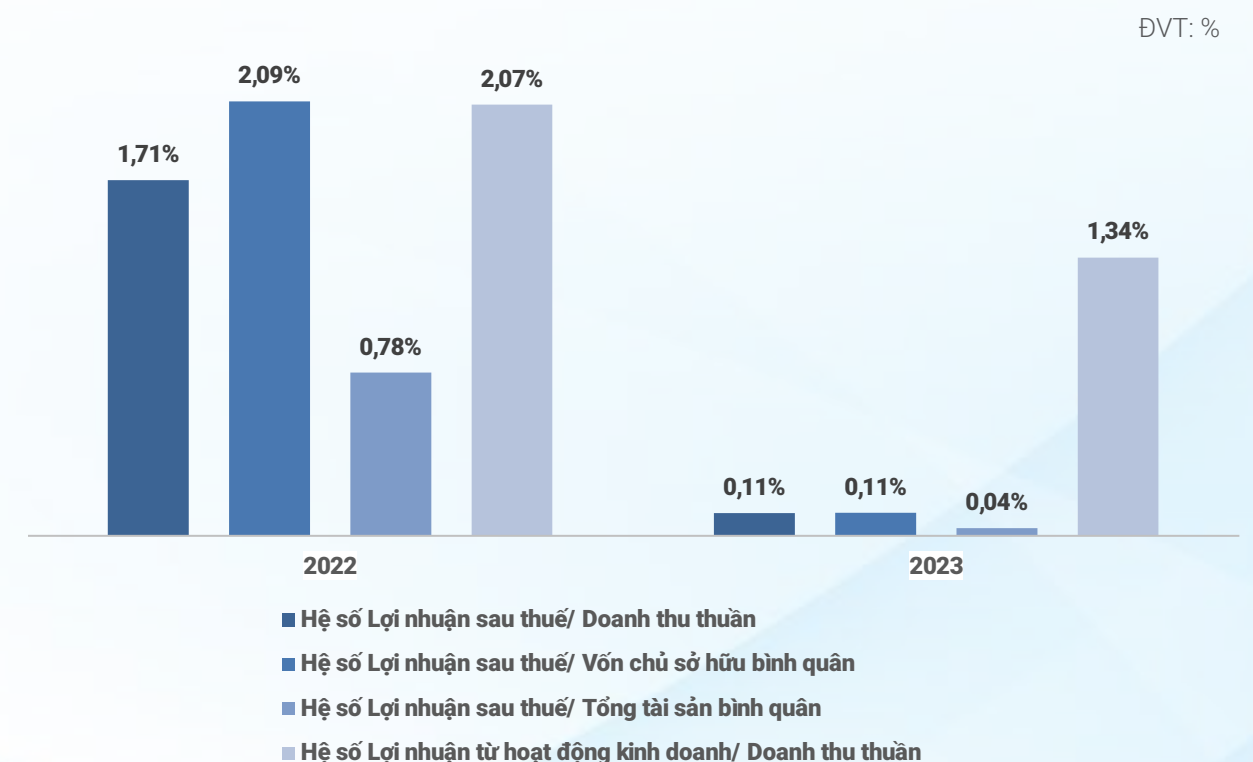
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản trong năm ghi nhận giảm đáng kể, từ 0,46 vòng xuống còn 0,34 vòng. Trong năm, doanh thu mảng vận tải giảm mạnh 45,66% do sự cạnh tranh gay gắt đến từ các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước và nhu cầu của khách hàng giảm. Do đó, doanh thu thuần giảm 16,88% so với năm trước, trong khi tài sản Công ty năm qua giảm 4,72%. Nguyên nhân tài sản của Công ty giảm đến từ việc giảm các khoản phải thu từ khách hàng

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

So với năm 2022, các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2023 giảm đáng kể, chủ yếu là do các khoản chi phí hoạt động, chi phí lãi vay tăng so với năm ngoái. Cụ thể, chi phí tài chính tăng 35,89%, trong đó hầu hết là chi phí lãi vay từ khoản vay dài hạn tại Shinhan Bank và vay ngắn hạn tại Công ty mẹ. Với hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên doanh thu thuần cũng ghi nhận giảm cùng với một số chi phí hoạt động tăng cao trong năm. Các chỉ số sinh lợi năm 2023 được ghi nhận như sau:

- » Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) ghi nhận đạt 0,11% giảm 1,6% so với năm 2022;
- » Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ghi nhận đạt 0,11% giảm 1,98% so với năm 2022;
- » Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) ghi nhận đạt 0,04% giảm 0,74 % so với năm 2022;
- » Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần ghi nhận đạt 1,34% giảm 0,73% so với năm 2022.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung cam kết luôn tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường. Công ty không chỉ xem việc thực hiện quản lý rủi ro trực tiếp và gián tiếp đối với hoạt động phát thải nhà kính là trách nhiệm mà còn là một phần quan trọng của chiến lược kinh doanh. Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro chặt chẽ để đảm



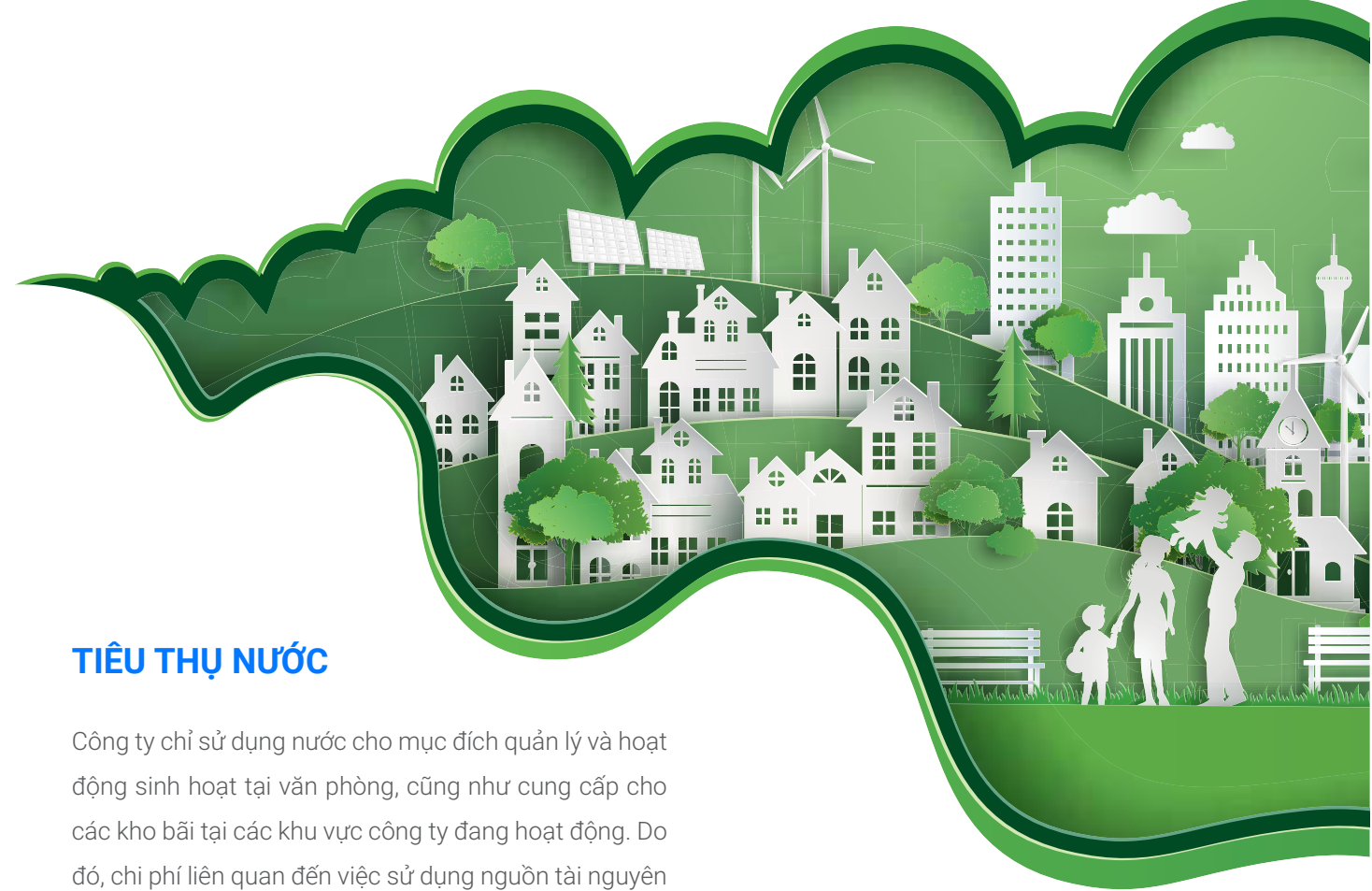
bảo sự phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày nay phù hợp với các chính sách về khí hậu của cấp quốc tế, quốc gia hoặc khu vực.

Với mục tiêu mang đến vận tải bền vững, xây dựng ngày mai xanh mát, Vinatrans Đà Nẵng tin rằng việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường không chỉ tạo ra giá trị cho doanh nghiệp mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội. Công ty không ngừng tìm kiếm và áp dụng các giải pháp công nghệ mới, tối ưu hóa quy trình làm việc và cải thiện hiệu suất năng lượng của đội xe. Bằng cách tập trung vào việc giảm thiểu lượng khí thải CO2 và hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng không tái tạo, Vinatrans Đà Nẵng cam kết với mục tiêu giảm tác động tiêu cực lên môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đã chú trọng vào việc sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu một cách có định mức và hợp lý, đồng thời duy trì chi phí sử dụng phù hợp với giá vốn. Lượng điện Công ty đã tiêu thụ trong năm là 1.248.650 kwh, tương đương với 3.400.023.571 đồng.

Để giảm thiểu lượng khí thải carbon tác động xấu đến môi trường, Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng nguồn năng lượng một cách hợp lý và hạn chế lãng phí nguyên liệu. Công ty cũng đã đầu tư lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời với tổng kinh phí hơn 7,8 tỷ đồng. Điều này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn tạo ra cơ hội mở rộng thị trường kinh doanh và khai thác hiệu quả nguồn lực. Công ty cam kết tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện để góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và môi trường.



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty chỉ sử dụng nước cho mục đích quản lý và hoạt động sinh hoạt tại văn phòng, cũng như cung cấp cho các kho bãi tại các khu vực công ty đang hoạt động. Do đó, chi phí liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên này rất thấp. Công ty cam kết tiêu dùng nước một cách có trách nhiệm và tiết kiệm, và không ngừng tìm kiếm các biện pháp và chiến lược mới nhằm bảo đảm việc sử dụng nước được tiết kiệm và bền vững. Năm 2023, Lượng nước Công ty đã tiêu thụ là 7.351 m³ tương ứng với 119.863.000 đồng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết và tuân thủ mọi pháp luật và các quy định của Nhà nước liên quan đến bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện các biện pháp cụ thể để đảm bảo tuân thủ, bao gồm việc thực hiện hệ thống quản lý môi trường, đào tạo nhân viên về các quy định liên quan, và tiến hành kiểm tra định kỳ để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ đúng quy định. Việc thực hiện nghiêm túc các biện pháp này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo sự bền vững và uy tín của Công ty trong cộng đồng và trên thị trường. Trong năm 2023 Vinatrans Đà Nẵng không phát sinh bất kỳ hành vi vi phạm nào liên quan đến môi trường.

TIÊU THỤ NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và cung ứng logistic, công ty chủ yếu dựa vào nguồn lực con người để quản lý và vận hành máy móc, thiết bị chuyên ngành, bao gồm cả các công việc xếp dỡ và bảo quản hàng hóa. Công ty không sử dụng nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài nhân lực trong quy trình hoạt động của mình. Tuy nhiên, Vinatrans Đà Nẵng cũng nhận thức được rủi ro về môi trường và sức khỏe của người lao động có thể phát sinh từ hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc nghi ngờ chứa chất độc hại được lưu trữ tại cảng. Để đối phó với những rủi ro này, Công ty đã cam kết thực hiện mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ môi trường sống và đảm bảo an toàn cho nhân viên. Qua đó thể hiện trách nhiệm và sự chú trọng của mình đối với việc bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong mọi hoạt động kinh doanh.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đà Nẵng luôn đặt lợi ích của nhân viên lên hàng đầu và cam kết bảo vệ tối đa các quyền lợi của người lao động. VMT đảm bảo sự tham gia đầy đủ vào các chế độ bảo hiểm xã hội cho toàn bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp chế độ đãi ngộ tốt cho những nhân viên lâu năm, đồng thời tổ chức các sự kiện giao lưu thường xuyên như Quốc tế Phụ nữ 8/3, trung thu,

Giáng sinh, tết niên... nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực và gắn kết nhân viên. Đối với công tác đào tạo, trong năm Công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho nhân viên cũng như tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi học tập và phát triển giúp nhân viên nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc.



Trong năm 2023 Công ty đã tự tổ chức đào tạo cũng như bố trí nhân sự tham gia đào tạo một số nội dung:

- » Đào tạo An toàn vệ sinh lao động;
- » Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn;
- » Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đào tạo phát triển nguồn nhân lực;
- » Tuân thủ pháp luật lao động về tiền lương;
- » Kỹ năng soạn thảo văn bản và lưu trữ hồ sơ;
- » Incoterm 2020 và Hợp đồng ngoại thương – Phân tích từ các vụ tranh chấp điển hình và một số lưu ý khi áp dụng
- » Cập nhật Thông tư số 33/2023/TT-BTC quy định về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ phục vụ sau thông quan về xuất xứ hàng hóa, hướng dẫn phân loại, xác định mã số hàng hóa;
- » Phổ biến, cập nhật kiến thức pháp luật Hải quan;



Những nỗ lực này không chỉ thể hiện cam kết của VMT đối với sự phát triển và trải nghiệm lao động tích cực của nhân viên mà còn là một phần quan trọng trong chiến lược nhân sự của công ty, nhằm tạo ra một môi trường làm việc đa dạng, động viên và hỗ trợ cho mọi thành viên trong tổ chức.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Vinatrans Đà Nẵng không chỉ coi trọng trách nhiệm đối với môi trường mà còn đặt sự quan tâm đặc biệt đối với cộng đồng địa phương. Công ty nhận thức rõ rằng sự phát triển bền vững của mình gắn liền với cộng đồng, xã hội. Công ty thường xuyên hỗ trợ và đồng hành cùng sự phát triển của địa phương nơi công ty hoạt động. Vinatrans Đà Nẵng đã tạo điều kiện việc làm cho nguồn lao động địa phương, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và tạo cơ hội cho người lao động tham gia và đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Ngoài ra, công ty còn tích cực tham

gia các chương trình vì cộng đồng như chương trình Hiến máu nhân đạo, Đền ơn đáp nghĩa,...

Đồng thời, Vinatrans Đà Nẵng tuân thủ nghiêm túc về kê khai thuế và các khoản ngân sách khác phải nộp. Việc này không chỉ đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh mà còn đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương, từ đó hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng và các chương trình phát triển cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung luôn chú trọng và thực hiện các hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Tuy hiện Công ty chưa có hoạt động về thị trường vốn xanh nhưng Ban lãnh đạo công ty luôn sẵn sàng cập nhật và tiếp thu những thông báo

mới nhất từ UBCKNN về thị trường vốn xanh, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ theo các hướng dẫn và quy định từ cơ quan quản lý. Bằng cách này, VMT mong muốn góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường vốn xanh, đồng thời tạo dựng lòng tin và uy tín từ phía cổ đông, đối tác, và cộng đồng đầu tư.

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023



Thuận lợi

- » Công ty nhận được nhiều sự hỗ trợ từ Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Transimex (Transimex) và đang từng bước vận hành theo cơ chế chuyên nghiệp của hệ thống nhóm Công ty Cổ phần Transimex.
- » Công ty được thừa hưởng, được vận hành trong hệ sinh thái của Transimex và tương tác với các công ty thành viên do vậy có cơ hội kinh doanh chéo, cũng như tận dụng lợi thế cạnh tranh qua lại giữa Công ty với các công ty thành viên của Transimex.
- » Đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực Logistics và có mối quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành liên quan.
- » Tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty đoàn kết thống nhất cùng nhau góp sức xây dựng đơn vị. Đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi và sáng tạo.
- » Về tài chính, Công ty đã tích cực trong việc rút ngắn thời gian đối chiếu sản lượng và thu hồi công nợ của khách hàng nhằm đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh.



Khó khăn

- » Nguy cơ suy thoái toàn cầu, rủi ro lạm phát gia tăng và các nước lớn thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ gây áp lực lên nhu cầu vận tải và thuê kho bãi, chi phí lãi vay tín dụng ngân hàng từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến Vinatrans Danang
- » Việc đầu tư vào Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng với tổng giá trị đầu tư lớn nhưng tỷ lệ vốn vay trên vốn hóa lại rất cao như hiện nay đang gây áp lực vào chi phí lãi vay cho Công ty mỗi năm là rất lớn, cũng như vốn hóa của Công ty thấp nên việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi gặp khó khăn.
- » Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng, tuy nhiên vẫn tồn tại những rủi ro nhất định như sự tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics ở một số lĩnh vực ngành hàng cũng như việc tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI. Thị trường Đà Nẵng đã xuất hiện các đối thủ có tầm cỡ đầu tư vào dịch vụ kho lạnh/kho.
- » Vì lượng hàng đối lưu ở các cảng biển Miền Trung thấp do vậy cước biển từ Đà Nẵng đi các nước thường cao hơn rất nhiều so với các Cảng phía Nam và Hải Phòng, nên nhiều khách hàng dịch chuyển cửa khẩu xuất vào Hồ Chí Minh thay vì chọn các cảng Miền Trung.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ cấp phòng ban với các thay đổi về cơ cấu tổ chức, cải thiện chức năng của từng phòng ban, thiết kế vị trí công việc phù hợp với chiến lược kinh doanh, tăng cường quản lý và sử dụng nguồn nhân lực một cách hợp lý. Công ty còn đặc biệt quan tâm đến đào tạo và nâng cao năng lực quản trị, tuyển dụng nhân sự có chuyên môn cao. Đồng thời, Ban lãnh đạo đã điều chỉnh chính sách theo đánh giá để nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

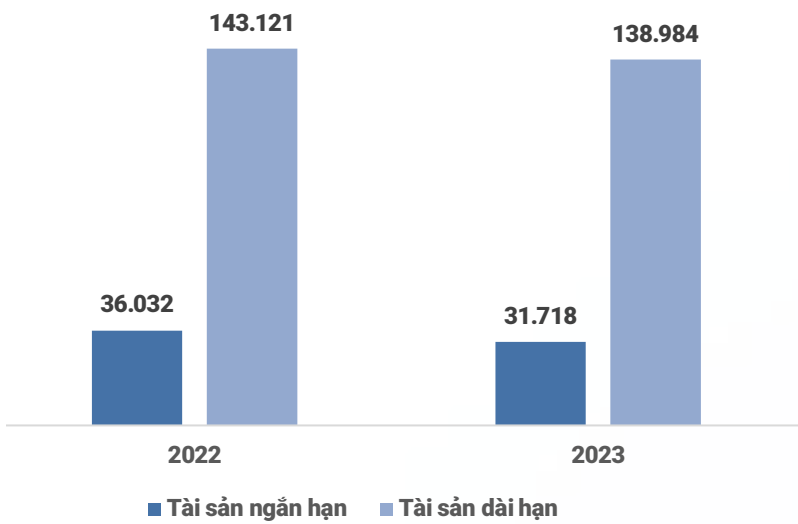


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng 2022	31/12/2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Tài sản ngắn hạn	36.032	20,11%	31.718	18,58%	88,03%
Tài sản dài hạn	143.121	79,89%	138.984	81,42%	97,11%
Tổng tài sản	179.153	100%	170.702	100%	95,28%



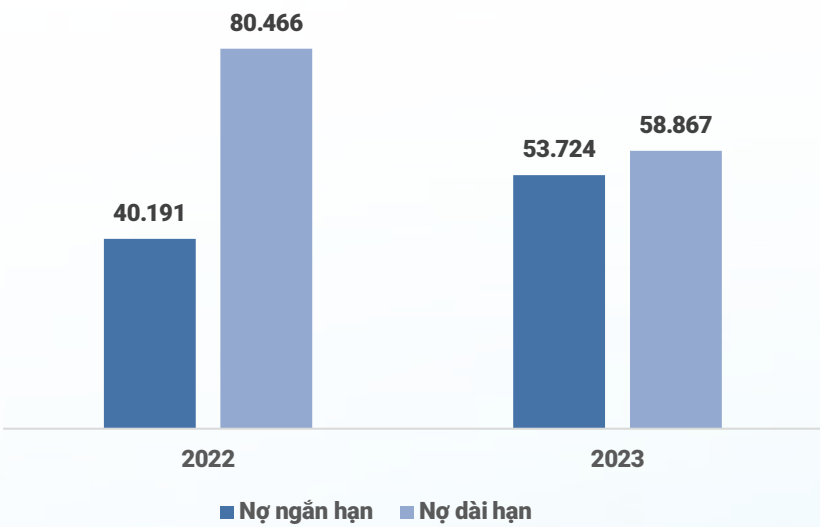
Tổng tài sản đến cuối năm 2023 của Vinatrans Đà Nẵng ghi nhận 170,7 tỷ đồng, giảm 4,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 31,72 tỷ đồng, chiếm 18,58% tỷ trọng tổng tài sản và giảm 11,97% so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do phải thu khách hàng giảm 38,23% so với năm 2022. Tài sản dài hạn đạt 138,98 tỷ đồng, chiếm 81,42% tổng tài sản và giảm nhẹ 2,89% so với cùng kỳ chủ yếu do khấu hao tài sản cố định.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng 2022	31/12/2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Nợ ngắn hạn	40.191	33,31%	53.724	47,72%	133,67%
Nợ dài hạn	80.466	66,69%	58.867	52,28%	73,16%
Tổng nợ phải trả	120.657	100%	112.591	100%	93,31%



Kết thúc năm 2023, tổng nợ của Vinatrans Đà Nẵng ghi nhận 112,59 tỷ đồng, giảm 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Nợ ngắn hạn đạt 53,72 tỷ đồng, chiếm 47,72% tỷ trọng tổng nợ, tăng 33,67% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do nợ vay tăng lên. Khoản mục này được hình thành chủ yếu từ khoản vay tín chấp 29 tỷ đồng từ công ty mẹ. Trong năm Công ty chuyển 14,63 nợ dài hạn Ngân hàng Shinhan đến hạn trả nợ sang nợ ngắn hạn.

Bên cạnh đó, Nợ dài hạn năm 2023 của Công ty đạt 58,87 tỷ đồng, chiếm 52,28% tỷ trọng tổng nợ, giảm 26,84% so với năm 2022 chủ yếu do Công ty phân loại lại khoản nợ từ nợ dài hạn sang nợ ngắn hạn là 14,63 tỷ; và Công ty đã trả nợ gốc vay cho Shinhan 7,32 tỷ.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tiếp tục đẩy mạnh các cải tiến và hoàn thiện các quy định, quy trình quản lý và điều hành các chi nhánh, phòng ban trực thuộc Công ty. Đối với công tác quản lý, Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý và vận hành, điều hành doanh nghiệp, vận hành kho tại Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng. Ngoài ra còn định kỳ hàng quý kiểm tra và rà soát hoạt động thu chi các chi nhánh, phòng ban trực thuộc, kiểm soát tốt tình hình công nợ.

✓ Trong năm 2023, Vinatrans Đà Nẵng thông qua việc tái cơ cấu tổ chức Công ty và ban hành sơ đồ tổ chức theo hướng chuyên môn, tập trung theo lĩnh vực, phạm vi hoạt động của từng phòng ban theo nghị quyết số 08/NQ-HĐQT-VMT ngày 25/07/2023. Cụ thể:

- » Thành lập Phòng Hành chính và Nhân sự;
- » Thành lập phòng Kế toán;
- » Thành lập Phòng Logistics với 02 Tổ là Tổ Giao nhận xuất nhập khẩu và Tổ vận tải;
- » Thành lập Phòng Đại lý Giao nhận với 03 Tổ trực thuộc là Tổ Đại lý giao nhận, Tổ Chuyển phát nhanh và Tổ Đại lý Happag-Lloyd;
- » Thành lập Tổ Sales;
- » Thành lập Tổ chứng từ kho lạnh, Tổ hiện trường Kho lạnh và Tổ kỹ thuật trực thuộc Trung tâm Logistisc Vinatrans Đà Nẵng;
- » Thực bố trí, sắp xếp và điều chuyển nhân sự phù hợp với các chức danh, vị trí công việc theo sơ đồ tổ chức mới đối với 58 người lao động.

✓ Áp dụng các thiết bị công nghệ trong quản lý, theo dõi tại Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng



- ✓ Hoàn thiện một số quy trình làm việc nội bộ:
- » Quy trình tuyển dụng
 - » Quy trình chấm công, tính lương
 - » Quy trình đánh giá, ký kết hợp đồng lao động;
 - » Quy trình đánh giá, bổ nhiệm nhân sự
 - » Quy trình giải quyết thôi việc
 - » Quy trình mua sắm, thanh lý tài sản Cố định, CCDC
 - » Quy trình xuất – nhập hàng

Ngoài ra còn định kỳ hàng quý kiểm tra và rà soát hoạt động thu chi các chi nhánh, phòng ban trực thuộc, kiểm soát tốt tình hình công nợ.



VINATRANS DANANG
INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH KINH DOANH

» Kế hoạch kinh doanh năm 2024 dự kiến như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024
1	Doanh thu thuần	57.365
2	Lợi nhuận trước thuế	1.880
3	Lợi nhuận sau thuế	1.504
4	Cổ tức	-



- » Tập trung đẩy mạnh khai thác các thế mạnh của công ty như dịch vụ cước đường biển, Đại lý hãng tàu, chuyển phát nhanh, gom hàng lẻ LCL, giao nhận... mở rộng thị trường sang các tỉnh khác nơi có nhiều KCN như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.
- » Bổ sung thêm nhân sự tại Quảng Ngãi, Huế để nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác phát triển các dịch vụ khác đối với nhóm khách hàng hiện tại đồng thời khai thác thêm các khách hàng mới

- tại KCN Vship, KCN Tịnh Phong, KCN Quảng Phú, KCN Dung Quốc, KCN Phú Bài, KCN Phong Điền, KCN Phú Đa và KCN Hương Sơ.
- » Đẩy mạnh khai thác hàng hóa cho Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng tại KCN Hòa Cầm, cụ thể đẩy mạnh khai thác các khách hàng XNK, phân phối nguồn hàng thủy hải sản tại khu vực miền Trung, hàng F&B nhập khẩu, nâng tỷ lệ lấp đầy bình quân trên 60% trong năm 2024.



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Công ty đang triển khai và từng bước hoàn thành giai đoạn 1 Dự án Tòa nhà Văn phòng tại Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 52, Số 49 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

CÁC CÔNG TÁC KHÁC

- » Công tác tài chính: đảm bảo tình hình tài chính Công ty an toàn, hiệu quả, tối ưu lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh, quản lý chi tiêu hiệu quả
- » Công tác phát triển thị trường, khách hàng: Với sứ mệnh Cung cấp dịch vụ logistics với chất lượng cao nhất, góp phần tối ưu hóa chi phí và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, Vinatrans Đà Nẵng luôn nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, tư vấn giải pháp hiệu quả cho khách hàng để làm lợi thế thu hút và phát triển khách hàng mới, thị trường mới.
- » Về công tác quản trị: tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa hệ thống quản trị đảm bảo các quy trình vận hành rõ ràng, đồng nhất, thuận tiện thực hiện; đảm bảo chất lượng thực hiện, giám sát, theo dõi, kiểm tra; nâng cao hiệu suất, năng suất lao động. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý nhân sự trên app Hris.
- » Tăng cường công tác đào tạo đối với Người lao động nhằm nâng cao hơn nữa về các kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu, kỹ năng khai thác phát triển khách hàng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG



Vinatrans Đà Nẵng nhận thức rõ ràng về trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy một lối sống xanh và bền vững. Tại văn phòng làm việc, Công ty lắp đặt các thiết bị, hệ thống tiết kiệm năng lượng và trồng cây xanh khu vực làm việc. Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt, không ngừng nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ công nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Qua các hoạt động của mình, Công ty không chỉ nhấn mạnh vào việc tạo ra lợi ích kinh tế mà còn chú trọng vào trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Bằng cách này, công ty hy vọng sẽ góp phần xây dựng một tương lai xanh mát, bền vững cho thế hệ hiện tại và tương lai.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

VMT luôn đặt sự chú trọng vào việc thu hút và giữ chân nhân tài có năng lực, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất và kinh doanh của công ty. Điều này thể hiện qua việc đề ra các tiêu chuẩn tuyển dụng cụ thể cho từng vị trí làm việc. Các ứng viên cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn, thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và chủ động trong công việc, cùng với khả năng tư duy sáng tạo.

Ngoài ra, VMT cũng luôn xây dựng chính sách lương riêng, phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ và năng lực công việc của từng nhân viên. Chính sách này đảm bảo rằng người lao động sẽ được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Vinatrans Đà Nẵng không chỉ tập trung vào phát triển sản xuất kinh doanh và chăm sóc đời sống cho người lao động mà còn đặt mối quan tâm đặc biệt đến việc hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty coi việc tham gia vào các hoạt động trợ giúp cộng đồng là một phần không thể thiếu của văn hóa tổ chức. Hiểu rằng một doanh nghiệp thành công không chỉ là doanh nghiệp có lợi nhuận mà còn là doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng xã hội mà nó hoạt động. Do đó, VMT đã thực hiện các hoạt động trợ giúp cộng đồng như quyên góp, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia vào các chương trình từ thiện và xã hội, giúp tạo ra một môi trường sống tốt đẹp và phát triển cho cả cộng đồng.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Do ảnh hưởng nặng nề, kéo dài của đại dịch Covid và cuộc chiến giữa Nga – Ukraine, nền kinh tế thế giới, trong nước phục hồi chậm, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn làm ảnh hưởng, gây khó khăn đến ngành Logistics. Trong bối cảnh khó khăn này, Ban điều hành và CB-CNV cũng đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023
1	Doanh thu thuần	59.145
2	Lợi nhuận trước thuế	760
3	Lợi nhuận sau thuế	65
4	Cổ tức	-



VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể được thực hiện tốt. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và có thu nhập cao.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên trong Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm được giao đầy đủ và có hiệu quả. Ban điều hành đã thực hiện giám sát và điều hành công việc của Công ty một cách tổ chức và chuyên nghiệp, đồng thời đưa ra các quyết định phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty.

Các cuộc họp của Ban điều hành được tổ chức đúng quy trình và thường xuyên, đảm bảo sự tham gia của tất cả các thành viên và đưa ra các quyết định quan

trọng về chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Ban điều hành đã thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo sự thực hiện hiệu quả của các quyết định được đưa ra, đồng thời liên tục cập nhật và điều chỉnh chiến lược hoạt động khi cần thiết để đáp ứng các thay đổi trong môi trường kinh doanh.

Tổ chức và quản lý của Ban điều hành đã được HĐQT đánh giá là đáng tin cậy và có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển và thành công của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Tiếp tục theo dõi, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc phần đầu thực hiện thành công kế hoạch năm 2024:
- » Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhằm xuất trình Đại hội thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
- » Tiếp tục theo dõi và chỉ đạo thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung.
- » Hoàn thiện việc tái cơ cấu nhân sự, tổ chức, dịch vụ tại Công ty.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT
3	Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT
5	Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT



CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.
- » Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện thông qua việc Hội đồng quản trị chất vấn Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh, các mảng nghiệp vụ và tình hình biến động của Công ty trong các phiên họp định kỳ.
- » Chủ tịch Hội đồng quản trị tăng cường giám sát các hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đặt ra năm 2023 của Công ty.
- » Giám sát việc quản lý, điều hành nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định Công ty.
- » Hội đồng quản trị giám sát đầy đủ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- » Hội đồng quản trị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2023 như sau :
 - ✓ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
 - ✓ Thực hiện việc Công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định;
 - ✓ Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên Công ty.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bích Lân	13	13/13	
2	Lê Hoàng Như Uyên	13	13/13	
3	Vũ Quốc Bảo	13	13/13	
4	Nguyễn Ngọc Thắng	13	13/13	
5	Lê Văn Hùng	10	10/13	Bỏ nhiệm ngày 09/05/2023
6	Ông Nguyễn Tấn Mẫn	3	3/13	Miễn nhiệm ngày 09/05/2023



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp họp trực tiếp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01/NQ.HĐQT-VMT	14/02/2023	Thông qua việc mua trang bị thêm xe pallet truck cho Trung Tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng.
02/NQ.HĐQT-VMT	15/03/2023	Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2022, kế hoạch kinh doanh 2023 Báo cáo tiến độ thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn. Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
03/NQ.HĐQT-VMT	08/05/2023	Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
04/NQ.HĐQT-VMT	10/05/2023	Thông qua miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty. Thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật công ty.
05.1/NQ.HĐQT-VMT		Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
05.2/NQ.HĐQT-VMT	22/06/2023	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
05.3/NQ.HĐQT-VMT		Thông qua phương án sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phần ra công chúng.
06/NQ.HĐQT-VMT	30/06/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty.
07/NQ.HĐQT-VMT	12/07/2023	Thông qua việc chọn công ty thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
		Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty về kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm 2023. Thông qua Báo cáo Kiểm soát nội bộ của Đoàn kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. Thông qua việc tái cơ cấu tổ chức công ty và ban hành sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng hiện tại của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng tạm thời của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc đồng thời là Người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tại Chi nhánh Quy Nhơn. Thông qua việc bổ nhiệm Người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tại Chi nhánh Quy Nhơn. Thông qua thang lương, bảng lương mới năm 2023 Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. Thông qua triển khai thực hiện thay đổi logo và nhận diện thương hiệu mới của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung Thông qua triển khai thực hiện tư vấn xin cấp chỉ tiêu quy hoạch, xin giấy phép xây dựng, thiết kế, tính toán tiền khả thi dự án “Cao ốc 49” tại địa chỉ số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
08/NQ.HĐQT-VMT	25/07/2023	
09/NQ.HĐQT-VMT	14/09/2023	Thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
10/NQ.HĐQT-VMT	15/09/2023	Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.
11/NQ.HĐQT-VMT	26/09/2023	Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng hiện tại của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng mới của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung
12/NQ.HĐQT-VMT	11/10/2023	Thống nhất tạm dừng thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
13/NQ.HĐQT-VMT	12/10/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế cho dự án Tòa nhà văn phòng 49 Phan Đăng Lưu.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS
2	Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS
3	Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS



CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Nguyễn Hồng Kim Chi	02	02/02
2	Nguyễn Hải Nhật	02	02/02
3	Nguyễn Trịnh Phương Thảo	02	02/02

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc bằng cách tham gia vào các phiên họp HĐQT và cung cấp báo cáo tài chính hàng quý, năm. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng đề xuất cho HĐQT chọn công ty kiểm toán để thực hiện báo cáo tài chính hàng năm và kiểm định báo cáo tài chính năm của công ty.

Ban kiểm soát đã điểm qua các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị và đánh giá rằng chúng được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, và đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp được tổ chức đầy đủ và đúng quy định, với sự tham gia của tất cả các thành viên cần thiết và việc lấy ý kiến bằng văn bản cũng được thực hiện theo đúng trình tự và quy định.

Các cuộc họp chủ yếu tập trung vào việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các chiến lược phát triển của công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị kỹ lưỡng và đảm bảo thời gian, địa điểm diễn ra đúng theo

kế hoạch.

Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng đánh giá rằng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Hội đồng quản trị đã đề ra những định hướng mang tính đột phá và năng động, đồng thời thực hiện các chính sách hoạt động Công ty một cách hiệu quả, giúp tình hình tài chính của công ty lành mạnh và hoạt động kinh doanh luôn ổn định và bền vững.

- » Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quý chế, nghị quyết;
- » Tham dự các phiên họp HĐQT, tham gia ý kiến về nội dung các thảo luận trong phiên họp;
- » Ban kiểm soát đã họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:
 - Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
 - Thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý, số liệu tài chính;
 - Thẩm tra nội dung các tờ trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ TN năm 2023.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao
Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000
Lê Văn Hùng	TV HĐQT	-	27.000.000
Vũ Quốc Bảo	TV HĐQT	-	42.000.000
Nguyễn Ngọc Thắng	TV HĐQT	-	42.000.000
Lê Hoàng Như Uyên	TV HĐQT	-	42.000.000
Nguyễn Tấn Mẫn	TV HĐQT/ Tổng Giám đốc (đến 05/2023)	270.693.193	-
Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	-	42.000.000
Nguyễn Hải Nhật	TV BKS	-	18.000.000
Nguyễn Trịnh Phương Thảo	TV BKS	-	18.000.000
Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	218.008.847	-
Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc (đến 09/2023)	291.421.170	-
Đặng Thị Lành	Kế toán trưởng (đến 07/2023)	239.638.145	-
Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng (07 - 09/2023)	16.000.000	-
Lê Anh Thư	Kế toán trưởng (từ 09/2023)	95.774.879	-

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
CTCP Transimex	Công ty mẹ	0301874259 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 03/12/1999	172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 5.026.594.254 đồng
						Lãi vay: 2.030.000.000 đồng
						Cung cấp dịch vụ: 740.834.125 đồng
CTCP Vinafreight	Cổ đông lớn	0302511219 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 14/01/2002	Số 10 Đường Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 66.998.774 đồng
						Cung cấp dịch vụ: 46.316.822 đồng
CTCP Logistics Vinalink	Cổ đông lớn	0301776205 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 31/07/1999	226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 64.863.025 đồng
						Cung cấp dịch vụ: 24.120.228 đồng



QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
CTCP Transimex Logistics	Cùng tập đoàn	0307821849 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 18/03/2009	429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, Tp.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 61.800.000 đồng Cung cấp dịch vụ: 2.600.000 đồng
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Cùng tập đoàn	0303353300 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 14/06/2004	39B Trường Sơn, lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 65.366.956 đồng
CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng tập đoàn	0300648264 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 16/03/2010	406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM	Năm 2023		Mua dịch vụ: 909.074 đồng Cung cấp dịch vụ: 6.881.508.640 đồng

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị

Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12761246/66926690

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao (*) gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(*) Từ trang 5 đến trang 34 của BCTC đã được CBTT tại đường link: <https://www.vinatransdn.com.vn/chi-tiet/bao-cao-tai-chinh-da-kiem-toan-nam-2023> hoặc trang 81 đến trang 110 của Báo cáo thường niên này.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		31.718.007.533	36.031.743.058
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.414.581.944	11.208.212.039
111	1. Tiền		3.406.773.725	11.208.212.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.007.808.219	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.110.000.000	1.144.200.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.110.000.000	1.144.200.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.910.285.133	12.135.409.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	5.615.046.477	9.089.603.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	246.687.080	908.917.740
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.048.551.576	2.136.888.151
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.283.140.456	11.543.921.230
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	456.861.376	179.894.311
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	9.826.279.080	11.364.026.919
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		138.983.634.067	143.121.043.211
220	I. Tài sản cố định		134.158.587.206	139.931.565.612
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	119.533.972.192	125.306.950.598
222	Nguyên giá		136.363.093.645	136.067.863.356
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.829.121.453)	(10.760.912.758)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	II. Bất động sản đầu tư	11	234.686.042	-
231	1. Nguyên giá		1.710.425.811	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.475.739.769)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		396.579.500	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.8	396.579.500	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		994.200.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	994.200.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.199.581.319	3.189.477.599
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.199.581.319	3.189.477.599
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		170.701.641.600	179.152.786.269

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		112.591.157.893	120.657.555.360
310	I. Nợ ngắn hạn		53.724.228.389	40.191.277.286
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.401.997.656	7.021.018.164
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.441.597	2.788.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	394.755.830	364.701.007
314	4. Phải trả người lao động		412.305.211	1.029.327.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	230.872.393	92.591.334
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	623.727.273	224.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.636.202.835	1.922.581.313
320	8. Vay ngắn hạn	19	43.630.232.380	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	386.693.214	534.268.734
330	II. Nợ dài hạn		58.866.929.504	80.466.278.074
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	346.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	58.520.929.504	80.466.278.074
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.110.483.707	58.495.230.909
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	58.110.483.707	58.495.230.909
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.939.161.654	2.878.400.693
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.278.322.053	23.723.830.216
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.213.069.255	22.826.111.004
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		65.252.798	897.719.212
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		170.701.641.600	179.152.786.269

LMH

Lê Thị Mơ
Người lập

me

Lê Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	21.1	59.144.885.008	71.157.503.715
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(46.897.823.200)	(67.767.718.733)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		12.247.061.808	3.389.784.982
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	445.978.176	6.914.796.017
22	5. Chi phí tài chính	23	(7.585.248.851)	(5.581.918.420)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(7.547.601.734)	(5.547.670.598)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(4.317.441.445)	(3.249.736.250)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		790.349.688	1.472.926.329
31	8. Thu nhập khác	25	9.798.042	106.540.769
32	9. Chi phí khác	25	(39.948.570)	(76.888.466)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác	25	(30.150.528)	29.652.303
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		760.199.160	1.502.578.632
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(694.946.362)	(287.359.420)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		65.252.798	1.215.219.212
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	21	142
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	21	142


Lê Thị Mơ
Người lập


Lê Anh Thư
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		760.199.160	1.502.578.632
02	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		760.199.160	1.502.578.632
04	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	7.543.948.464	5.631.128.757
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(41.684.687)	(79.928.975)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(341.792.043)	(6.815.909.795)
06	Chi phí lãi vay	23	7.547.601.734	5.547.670.598
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.468.272.628	5.785.539.217
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		6.762.803.040	(6.168.272.611)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.710.400.998)	(15.494.317.671)
12	Tăng chi phí trả trước		(287.070.785)	(1.454.963.212)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.504.880.579)	(5.884.161.102)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(630.883.719)	(131.810.870)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(597.575.520)	(623.221.236)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		12.500.264.067	(23.971.207.485)
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.402.235.600)	(39.204.945.962)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	7.407.407
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.960.000.000)	(4.150.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.300.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.372.822.950
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		341.792.043	228.299.463
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.020.443.557)	(31.446.416.142)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	19	-	58.576.278.074
34	Tiền thu từ đi vay	19	(7.315.116.190)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(7.315.116.190)	58.576.278.074
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(835.295.680)	3.158.654.447
60	Tiền đầu năm		11.208.212.039	7.969.628.617
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.665.585	79.928.975
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	10.414.581.944	11.208.212.039


Lê Thị Mơ
Người lập


Lê Anh Thư
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 ngày 12 tháng 08 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, GCNĐKDN này được điều chỉnh 15 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 05 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VMT theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh và hai (2) văn phòng đại diện đang hoạt động tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 59 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 52).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	20 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty, sau khi đã điều chỉnh việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có), cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi dự tính chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.788.561	239.358.909
Tiền gửi ngân hàng	3.386.985.164	7.783.853.130
Các khoản tương đương tiền (*)	7.007.808.219	-
Tiền đang chuyển	-	3.185.000.000
TỔNG CỘNG	10.414.581.944	11.208.212.039

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3,85%/năm đến 5,50%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	4.110.000.000	150.000.000
Trái phiếu	-	994.200.000
TỔNG CỘNG	4.110.000.000	1.144.200.000

(*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,0%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.	PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
6.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		VND
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải thu từ bên thứ ba	4.662.465.957	6.051.635.922
	Công ty Cổ phần Logistic SC	519.063.299	343.861.066
	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Diamond Marine	366.367.120	77.606.800
	Các khách hàng khác	3.777.035.538	5.630.168.056
	Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	952.580.520	3.037.967.976
	TỔNG CỘNG	5.615.046.477	9.089.603.898
6.2	Trả trước ngắn hạn cho người bán		VND
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cam	197.288.080	165.699.820
	Công ty TNHH TM-SX Tân Phương Phát	-	648.710.920
	Các nhà cung cấp khác	49.399.000	94.507.000
	TỔNG CỘNG	246.687.080	908.917.740
7.	PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		VND
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Chi trả hộ (Thuyết minh số 28)	950.266.236	1.447.591.631
	Tạm ứng cho nhân viên	57.314.128	22.248.820
	Khác	40.971.212	667.047.700
	TỔNG CỘNG	1.048.551.576	2.136.888.151
8.	CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		VND
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngắn hạn	456.861.376	179.894.311
	Chi phí bảo hiểm	327.453.868	90.553.677
	Công cụ dụng cụ	63.016.375	1.432.140
	Chi phí thuê văn phòng	27.500.000	25.000.000
	Khác	38.891.133	62.908.494
	Dài hạn	3.199.581.319	3.189.477.599
	Công cụ dụng cụ	1.805.918.754	1.934.217.411
	Tiền thuê đất	955.764.144	1.194.705.180
	Khác	437.898.421	60.555.008
	TỔNG CỘNG	3.656.442.695	3.369.371.910

9.	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				VND
				Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	Nguyên giá:				
	Số đầu năm			32.909.091	136.067.863.356
	Mua mới			-	2.005.656.100
	Chuyển sang bất động sản đầu tư			-	(1.710.425.811)
	Số cuối năm			32.909.091	136.363.093.645
	Trong đó:				
	Đã khấu hao hết			-	2.849.517.876
	Giá trị khấu hao lũy kế:				
	Số đầu năm			(6.581.820)	(10.760.912.758)
	Khấu hao trong năm			(6.581.820)	(7.543.948.464)
	Chuyển sang bất động sản đầu tư			-	1.475.739.769
	Số cuối năm			(13.163.640)	(16.829.121.453)
	Giá trị còn lại:				
	Số đầu năm			26.327.271	125.306.950.598
	Số cuối năm			19.745.451	119.533.972.192
	Trong đó:				
	Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)			-	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	14.624.615.014
Hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm và số cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm và số cuối năm	14.624.615.014
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	8.678.289.600

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Chuyển từ tài sản cố định	1.710.425.811
Số cuối năm	1.710.425.811
Khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	-
Chuyển từ tài sản cố định	(1.475.739.769)
Số cuối năm	(1.475.739.769)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	234.686.042
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần của Tòa nhà tọa lạc tại 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, ngôi nhà tọa lạc tại 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và một phần của tòa nhà tọa lạc tại 109-111 Lê Đức Thọ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Việt Nam.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 21.1 và Thuyết minh số 22.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
Tên công ty	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương	994.200.000	-	2.678.121.600	-	-	-

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương ("VNT") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 4 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh điều chỉnh. VNT có trụ sở chính tại số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của VNT là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên bên khác	4.028.253.856	4.198.296.017
<i>Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Đà Nẵng</i>	400.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Ngôi sao Mới LS</i>	173.950.703	403.473.132
<i>Các bên khác</i>	3.454.303.153	3.794.822.885
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	373.743.800	2.822.722.147
TỔNG CỘNG	4.401.997.656	7.021.018.164



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

14. THUẾ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11.364.026.919	2.869.146.572	(4.406.894.411)	9.826.279.080
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.359.420	694.946.362	(630.883.719)	351.422.063
Thuế thu nhập cá nhân	68.242.408	175.470.853	(200.681.290)	43.031.971
Thuế giá trị gia tăng	9.099.179	22.694.831	(31.492.214)	301.796
Các loại thuế khác	-	24.741.843	(24.741.843)	-
TỔNG CỘNG	364.701.007	917.853.889	(887.799.066)	394.755.830

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Chi phí lãi vay	98.202.929	92.591.334
Chi phí khác	132.669.464	-
TỔNG CỘNG	230.872.393	92.591.334

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	623.727.273	224.000.000

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	3.636.202.835	1.922.581.313
Lãi phải trả	3.559.452.085	1.529.452.085
Bảo hiểm xã hội	6.901.073	13.503.123
Tiền cọc	-	365.000.000
Khác	69.849.677	14.626.105
Dài hạn	346.000.000	-
Tiền cọc	346.000.000	-
TỔNG CỘNG	3.982.202.835	1.922.581.313

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	534.268.734	389.989.970
Trích lập quỹ	450.000.000	767.500.000
Sử dụng quỹ	(597.575.520)	(623.221.236)
Số cuối năm	386.693.214	534.268.734



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

19. VAY							VND
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phần loại lại	Số cuối năm	
Vay ngắn hạn	Vay ngắn hạn	29.000.000.000	-	-	14.630.232.380	43.630.232.380	
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	-	-	-	14.630.232.380	14.630.232.380	
	Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000	
Vay dài hạn	Vay dài hạn	80.466.278.074	-	(7.315.116.190)	(14.630.232.380)	58.520.929.504	
	Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	80.466.278.074	-	(7.315.116.190)	(14.630.232.380)	58.520.929.504	
TỔNG CỘNG		109.466.278.074	-	(7.315.116.190)	-	102.151.161.884	
19.1	Vay ngắn hạn từ bên liên quan						
Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 28) được trình bày như sau:							
Bên liên quan	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo		
	VND	%/năm	Tháng				
Công ty Cổ phần Transimex	29.000.000.000	7	12	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	Tin chấp		

19.	VAY (tiếp theo)						
19.2	Vay dài hạn từ ngân hàng						
Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:							
Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo		
	VND	%/năm	Tháng				
Ngân hàng Shinhan Bank	73.151.161.884	7	84	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028			
Trong đó:							
Vay dài hạn	58.520.929.504						
Vay dài hạn đến hạn trả	14.630.232.380						



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

		VND	
		Tổng cộng	
20. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu		
20.1	Năm trước		
	Số đầu năm	58.047.511.697	
	Lợi nhuận thuần trong năm	1.215.219.212	
	Trích lập các quỹ	(767.500.000)	
	Số cuối năm	58.495.230.909	
20.2	Năm nay		
	Số đầu năm	58.495.230.909	
	Lợi nhuận thuần trong năm	65.252.798	
	Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(60.760.961)	
	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(450.000.000)	
	Số cuối năm	58.110.483.707	

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

20.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

Vốn cổ phần	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số cuối năm và số đầu năm	31.500.000.000	31.500.000.000

20.4 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2022: VND 10.000)		



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.252.798	1.215.219.212
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	(450.000.000)
Thù lao của HĐQT và BKS (VND)	-	(317.500.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	65.252.798	447.719.212
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	3.150.000
Lãi cơ bản (VND)	21	142
Lãi suy giảm (VND)	21	142

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 9 tháng 5 năm 2023.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm nay chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	32.146.443.194	59.154.021.611
Doanh thu cho thuê kho bãi	24.882.527.010	9.896.133.825
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.115.914.804	2.107.348.279
DOANH THU THUẦN	59.144.885.008	71.157.503.715
Trong đó:		
Các bên khác	51.449.505.193	60.265.268.142
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.695.379.815	10.892.235.573

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	341.792.043	122.919.463
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	97.752.659	94.921.061
Thu tiền bán chứng khoán	-	6.587.610.332
Cổ tức được chia	-	105.380.000
Khác	6.433.474	3.965.161
TỔNG CỘNG	445.978.176	6.914.796.017

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	28.450.097.554	54.215.797.871
Giá vốn cho thuê kho bãi	18.360.162.121	13.535.982.541
Giá vốn cho thuê văn phòng	87.563.525	15.938.321
TỔNG CỘNG	46.897.823.200	67.767.718.733

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.547.601.734	5.547.670.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.403.131
Khác	37.647.117	25.844.691
TỔNG CỘNG	7.585.248.851	5.581.918.420

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	2.333.030.470	2.061.520.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.207.651	183.412.840
Chi phí khấu hao và hao mòn	164.966.796	165.449.352
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	110.000.000	110.000.000
Khác	974.236.528	729.353.556
TỔNG CỘNG	4.317.441.445	3.249.736.250



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.798.042	106.540.769
Thu nhập từ khoản bồi thường	-	43.922.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	7.407.407
Thu nhập khác	9.798.042	55.211.362
Chi phí khác	(39.948.570)	(76.888.466)
Các khoản phạt	(8.379.094)	(36.098.466)
Khác	(31.569.476)	(40.790.000)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(30.150.528)	29.652.303

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.079.369.217	55.120.971.239
Chi phí lương nhân viên	8.829.978.963	7.019.554.773
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	7.543.948.464	5.631.128.757
Khác	2.761.968.001	3.245.800.214
TỔNG CỘNG	51.215.264.645	71.017.454.983

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	694.946.362	287.359.420

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	760.199.160	1.502.578.632
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	152.039.832	300.515.727
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	542.906.530	7.919.693
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(21.076.000)
Chi phí thuế TNDN	694.946.362	287.359.420

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Mối quan hệ	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND Năm trước
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Mua dịch vụ	64.863.025	932.835.251
	Cung cấp dịch vụ	24.120.228	53.941.023
	Bán chứng khoán	-	822.950
	Cổ tức	-	80.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Mua dịch vụ	66.998.774	207.486.996
	Cung cấp dịch vụ	46.316.822	1.433.369.379
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	5.026.594.254	4.529.749.650
	Lãi vay	2.030.000.000	1.480.474.140
	Cung cấp dịch vụ	740.834.125	1.228.161.948
	Lãi vay được vốn hóa	-	549.525.890
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Mua dịch vụ	61.800.000	-
	Cung cấp dịch vụ	2.600.000	971.111.611
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Mua tài sản	-	391.345.873
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Mua dịch vụ	65.366.956	2.899.259
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	6.881.508.640	7.205.651.612
	Mua dịch vụ	909.074	17.911.440

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	952.580.520	1.764.726.480
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	-	634.773.804
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Cung cấp dịch vụ	-	575.299.144
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	-	52.488.048
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cung cấp dịch vụ	-	10.680.500
		952.580.520	3.037.967.976
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Chi trả hộ	950.266.236	1.447.591.631
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	372.762.000	2.390.957.567
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Mua dịch vụ	981.800	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Mua tài sản cố định	-	430.480.460
Công ty Cổ phần Vinafreight	Mua dịch vụ	-	1.284.120
		373.743.800	2.822.722.147
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	29.000.000.000	29.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Lãi vay	3.559.452.085	1.529.452.085



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ") và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	42.000.000	26.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	42.000.000	26.800.000
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 9 tháng 5 năm 2023)	27.000.000	-
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	15.200.000
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	18.000.000	5.000.000
Bà Nguyễn Anh Nam	Thành viên BKS (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	6.500.000
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	TGĐ (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)	218.008.847	-
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	TGĐ (đến ngày 20 tháng 5 năm 2023)	270.693.193	469.041.994
Ông Hồ Văn Tú	Phó TGĐ (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)	291.421.170	397.737.153
TỔNG CỘNG		1.071.123.210	1.109.079.147

29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.187.181.819	1.644.090.909
Từ 1 đến 5 năm	1.510.000.000	2.340.000.000
TỔNG CỘNG	2.697.181.819	3.984.090.909

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Lê Thị Mơ
Người lập

Lê Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


NGUYỄN BÍCH LÂN